

	<ul style="list-style-type: none"> <li>• B/CFM hoặc PDI</li> <li>• B/M</li> <li>• B/CrossXBeam</li> <li>• B +CFM/M</li> <li>• RealTime TriplexMode (B + CFM hoặc PDI/PW)</li> <li>• Dual B/B</li> </ul> <p>+ Hiển thị luân phiên giữa các Mode:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• B/M</li> <li>• B/PW</li> <li>• B +CFM/M</li> <li>• B + CFM(PDI)/PW</li> <li>• Hiển thị nhiều hình (chia thành hai hình/bốn hình)</li> <li>• Hình động và/hoặc hình tĩnh</li> <li>• B + B/CFM hoặc PDI</li> <li>• PW/M</li> <li>• Chiếu lại hình CINE độc lập</li> </ul> <p>+ Hiển thị phóng to: Việt/Đọc</p> <p>+ Phù màu đơn sắc</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Mẫu đơn sắc B</li> <li>• Mẫu đơn sắc M</li> </ul> <p>Mẫu đơn sắc PW</p>	
	<p>6. Hồ trợ tối ưu hóa và xử lý hình ảnh</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kỹ thuật phát và thu nhận chùm tia đa hướng (CrossXBeam)</li> <li>- Kỹ thuật loại bỏ đốm sáng và ảnh giả trên hình ảnh siêu âm với độ phân giải cao (Speckle Reduction Imaging High Definition) trên đầu dò Convex, Linear, Sector</li> <li>- Hình ảnh hòa âm mô đảo pha mã hóa (Coded Phase Inversion Harmonic Imaging)</li> <li>- Tự động tối ưu hóa hình ảnh (Auto Optimization)</li> <li>- Tự động tính toán phò Doppler thời gian thực</li> <li>- Kỹ thuật lưu trữ xử lý và phân tích dữ liệu thô (Raw Data)</li> </ul>	

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phương pháp mở rộng góc quét ào Virtual Convex</li> <li>- Phần mềm đo tính trong sản khoa SonoBiometry: tự động đo lường các thông số: BPD, AC, FL, HC</li> <li>- Phần mềm hỗ trợ quy trình siêu âm Scan Assistant trên từng ứng dụng siêu âm</li> <li>- Phần mềm hướng dẫn thực hành siêu âm Scan Coach</li> <li>- Phần mềm mở rộng chiều dài vùng quét trên Mode B lên 60 cm</li> </ul>		
Khả năng kết nối DICOM 3.0	<p>7. Khả năng hậu xử lý hình ảnh thông qua các điều khiển có sẵn trên “Freeze” và Recall:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tự động tối ưu hóa</li> <li>- Loại bỏ đốm sáng và ảnh giả trên hình ảnh siêu âm với độ phân giải cao (Speckle Reduction Imaging High Definition - SRI-HD)</li> <li>- Hình ảnh siêu âm từ chùm tia đa hướng (CrossXbeam) - Hiển thị hình ảnh đồng thời trong màn hình phân chia với ảnh siêu âm bình thường</li> <li>- Mode B/M/CrossXBeam</li> <li>- Tối ưu hóa bản đồ thang xám</li> <li>- TGC</li> <li>- Trung bình khung (chỉ có cho vòng lặp)</li> <li>- Tốc độ quét</li> <li>- Bản đồ thang xám</li> <li>- Độ lợi hậu xử lý</li> <li>- Thay đổi đường nền</li> <li>- Đảo phỏ</li> <li>- Nén nhiễu</li> <li>- Triệt nhiễu</li> <li>- Định dạng hiển thị</li> <li>- Doppler âm thanh</li> <li>- Điều chỉnh góc</li> <li>- Điều chỉnh góc nhanh</li> <li>- Điều chỉnh góc tự động</li> </ul>		

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Độ lợi toàn phần (vòng lặp động và tĩnh)</li> <li>- Bản đồ trong suốt</li> <li>- Trung bình khung (chỉ có vòng lặp)</li> </ul> <p>Nén các điểm sáng</p>		
	<p>8. Chức năng đo đặc và phân tích</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đo đặc/tính toán trong Doppler tổng quát</li> <li>+ B-mode</li> <li>+ M-mode</li> <li>+ Đo đặc/tính toán tự động trong Doppler thời gian thực</li> <li>+ Gói đo tính sản khoa</li> <li>+ Gói đo tính phụ khoa</li> <li>+ Phân tích mạch máu</li> <li>+ Đo và tính toán tiết niệu</li> </ul>	<p>9. Thông số kỹ thuật B Mode</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Năng lượng sóng âm phát ra: 0 – 100%, 2, 5, và 10 bước</li> <li>• Độ lợi (khuếch đại): 0 – 90 dB, 1 dB / bước</li> <li>• Dài động: 36 – 96 dB, 3 hoặc 6 dB/ bước</li> <li>• Trung bình khung: 8 bước (tùy thuộc đầu dò)</li> <li>• Bản đồ thang xám: cực đại 8 loại (tùy thuộc đầu dò)</li> <li>• Bản đồ màu: 9 loại</li> <li>• Tần số: có thể lựa chọn: 11 loại (Tùy thuộc đầu dò)</li> <li>• Mật độ dòng: 5 - 6 bước</li> <li>• Mật độ dòng trong chế độ Zoom: 5 bước</li> <li>• Đảo ảnh: Có 2 chế độ mở/tắt</li> <li>• Lựa chọn số tiêu điểm tối đa: 8 bước</li> <li>• Độ rộng hội tụ: 3 loại</li> <li>• Nén tín hiệu yếu: 6 bước</li> <li>• Tăng bờ: 7 bước</li> <li>• Triệt nhiễu: 6 bước</li> <li>• Lái tia Linear: <math>\pm 12^\circ / 15^\circ</math> (tùy thuộc đầu dò)</li> <li>• SRI-HD: 6 mức</li> </ul>	

	<ul style="list-style-type: none"> <li>• CrossXBeam: 7 góc</li> <li>• Độ sâu: 2 – 33 cm, 0.5 hoặc 1 cm/ bước (tùy thuộc đầu dò)</li> </ul>			
10. Thông số kỹ thuật M Mode	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Độ lợi: -20 - 20 dB, 1 dB/ bước</li> <li>• Bản đồ thang xám: cực đại 8 loại (tùy thuộc đầu dò)</li> </ul>			
Triệt nhiễu: 6 bước				
11. Thông số kỹ thuật Mode Doppler xung	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Năng lượng sóng âm phát ra: 0 – 100%, 2, 5, và 10 bước</li> <li>• Độ lợi (khuếch đại): 0 - 85 dB, 1 dB/ bước</li> <li>• Bản đồ thang xám: 8 loại</li> <li>• PRF: 0.3 – 27.9 kHz</li> <li>• Lọc thành: 5.5 – 5000Hz, 27 bước</li> <li>• Thang tốc độ: 0.4 ~ 4084 cm/s</li> <li>• Tốc độ quét: 0~7, 8 bước</li> <li>• Độ sâu kích thước lấy mẫu: 0.2 ~ 30 cm</li> <li>• Thể tích công lấy mẫu: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 10, 12, 14, 16 mm</li> <li>• Hiệu chỉnh góc: -90~ 90, 1 bước</li> <li>• Đảo phô</li> <li>• Chế độ Duplex: đồng thời: 2 chế độ Mở/tắt (chỉ PW)</li> <li>• Góc lái tia trong mode PW: 0, <math>\pm 10^\circ</math>, <math>\pm 15^\circ</math>, <math>\pm 20^\circ</math></li> <li>• Độ sâu thể tích lấy mẫu: 75 bước</li> <li>• Phương thức vẽ đường bao: Tắt, Cực đại, Trung bình</li> <li>• Thay đổi đường nền: 11 bước</li> <li>• Tự động vẽ đường bao trong phô Doppler</li> <li>• Nén tín hiệu: 0.5~2.4, 9 bước (0.5, 0.7, 0.9, 1, 1.1, 1.4, 1.6, 2, 2.4)</li> <li>• Chọn hướng vẽ đường bao: Trên, Dưới, Cả hai</li> <li>• Chọn độ nhạy khi vẽ đường bao: 0~ 40, 2 bước</li> </ul>			
12. Thông số quét ảnh chế độ CFM				

	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Đường nền: 0 – 100%, 10%/bước (11 bước)</li> <li>• Đảo phô: mở/tắt</li> <li>• Độ sâu tiêu điểm hội tụ trong CF/PDI: có thể điều chỉnh từ 10 – 100% vị trí cần khảo sát, 10 % hoặc 16 % /bước chỉnh</li> <li>• Nén nhiễu các đốm sáng trong CF/PDI: 5 bước</li> <li>• Góc lái tia trong CF/PDI: 0, <math>\pm 10^\circ</math>, <math>\pm 15^\circ</math>, <math>\pm 20^\circ</math></li> <li>• Kích thước gói: 8 – 24, tùy thuộc đầu dò và ứng dụng</li> <li>• Mật độ dò: 5 bước</li> <li>• Phóng to / thu nhỏ mật độ dò: 5 bước</li> <li>• Trung bình khung: 7 bước</li> <li>• PRF: 0.1 – 18.5 KHz/ 19 bước</li> <li>• Dài tốc độ: 2 - 300 cm/s</li> <li>• Bộ lọc không gian: 6 bước</li> <li>• Độ lợi: 0 – 40 dB, 0.5 dB /bước</li> <li>• Lọc thành: 0 - 3/4 bước, tùy thuộc vào đầu dò và phần mềm ứng dụng</li> <li>• Kích thước vùng quét (Trường nhìn hoặc góc quét): tùy thuộc đầu dò</li> <li>• Kích thước theo chiều thẳng đứng vùng cửa sổ màu trong CF/PDI (mm): lựa chọn theo mặc định</li> <li>• Độ sâu trung tâm cửa sổ màu trong CF/PDI (mm): lựa chọn theo mặc định</li> <li>• Tần số CF/PDI: Lên đến 4 bước, tùy thuộc đầu dò</li> <li>• Bản đồ màu, bao gồm bản đồ các khoảng dao động và tốc độ: 14 loại tùy thuộc phần mềm ứng dụng.</li> <li>• Độ trong suốt: 5 bước</li> <li>• Ngưỡng màu: 0 – 100%, 11 bước</li> <li>• Tích lũy màu: 8 bước</li> <li>13. Thông số quét ảnh chế độ PDI</li> <li>• Bản đồ màu: 14 loại</li> </ul>	
--	---	--

	<ul style="list-style-type: none"> <li>Độ sâu tiêu điểm hội tụ trong CF/PDI: có thể điều chỉnh từ 10 – 100% vị trí cần khảo sát, 10 % hoặc 15 % bước chính</li> <li>Năng lượng sóng âm phát ra: 0 – 100%, 2%, 5%, và 10% bước</li> <li>Góc lái tia trong CF/PDI: 0, <math>\pm 10^\circ</math>, <math>\pm 15^\circ</math>, <math>\pm 20^\circ</math></li> <li>Kích thước gói: 8 – 24, tùy thuộc đầu dò và ứng dụng</li> <li>Bộ lọc không gian: 6 bước</li> <li>Trung bình khung: 7 bước</li> <li>PRF: 0.1 – 18.5 KHz/19 bước</li> <li>Nâng nồng năng lượng: 0 – 100%, 10% bước</li> <li>Độ lợi (khuếch đại): 0 – 40 dB, 0.5 dB/bước</li> <li>Lọc thành: 4 bước tùy thuộc đầu dò và phần mềm ứng dụng</li> <li>Tần số trong CF/PDI: lên đến 4 bước, tùy thuộc đầu dò</li> <li>Độ trong suốt: 5 bước</li> <li>Đảo phô: mở/tắt</li> <li>Tích lũy màu: 8 bước</li> </ul> <p>Nén đốm sáng</p>
14.	<ul style="list-style-type: none"> <li>Kết nối</li> <li>Cổng HDMI out</li> <li>Cổng kết nối USB: 2 cổng</li> <li>TV output (S-video và Composite video)</li> <li>Kết nối mạng Ethernet (RJ45)</li> </ul>
15.	<ul style="list-style-type: none"> <li>Bộ nhớ hình ảnh/ Bộ nhớ CINE <ul style="list-style-type: none"> <li>RAM hệ thống: 2G</li> <li>Bộ xử lý: Intel Celeron 1047 (1.4G * 2 lõi)</li> <li>Bộ nhớ CINE: 128MB</li> <li>Vòng lặp CINE tối đa: 24048 khung</li> <li>Hiển thị đồng thời hai hình ảnh trong chế độ Cine</li> </ul> </li> </ul>

	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Dánh dấu đoạn Cine</li> <li>+ Độ/ tính toán và chú thích trong đoạn CINE lúc xem lại</li> <li>+ Bộ nhớ hiển thị thời gian đoạn CINE đang cuộn.</li> <li>+ Hiển thị đồng thời hai hình Cine</li> <li>+ Hiển thị đồng thời bốn hình Cine</li> <li>+ Hiển thị số lượng hình Cine và thanh đo</li> <li>+ Tốc độ xem lại Cine: 11 bước (11, 13, 14, 17, 22, 25, 31, 48, 100, 200, 400%)</li> </ul>		
	<p>16. Thông số đầu dò</p> <p>Dầu dò Convex</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Độ rộng dài tần số: 2.0 - 5.0 MHz</li> <li>• Ứng dụng khám: Bụng, sán/phụ khoa, mạch máu, tiết niệu</li> <li>• Số chân từ: 128</li> <li>• Bán kính cong: 60 mm</li> <li>• FOV: 55°</li> <li>• Tân số hình ảnh B-Mode: 2.0, 3.0, 4.0, 5.0 MHz</li> <li>• Tân số hình ảnh Harmonic: 3.0, 4.0, 5.0 MHz</li> <li>• Tân số CFM/PDI/PWD: 2.0, 2.8, 3.6 MHz</li> </ul> <p>Dầu dò Linear</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Bề rộng dài tần số hoạt động: 4.0 – 13.0 MHz</li> <li>• Ứng dụng: Khám mạch máu, phần nồng, nhi khoa</li> <li>• Số chân từ: 128</li> <li>• Tân số hình ảnh B-Mode: 6.0, 8.0, 10.0, 11.0 MHz</li> <li>• Tân số hình ảnh Harmonic: 8.0, 10.0, 12.0, 13.0 MHz</li> <li>• Tân số CFM/PDI/PWD: 4.0, 5.0, 6.0 MHz</li> </ul> <p>Góc lái tia: +20°/+20°, -15°/+15°, -10°/+10°</p> <p>Cấu hình</p> <p>01 Máy chính dạng xách tay với màn hình LCD 15 inches</p>		

7. <b>Máy đo loãng xương</b>	<p><b>Ký hiệu:</b> InAlYzer - Air  <b>Hãng sản xuất:</b> Medikors Inc  <b>Xuất xứ:</b> Hàn Quốc</p> <p>Đặc tính kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng thiết bị dò tia X năng lượng kép 64 kênh dựa trên công nghệ chùm tia rẽ quặt và thu được 64 hàng dữ liệu trên một bức xạ tia X, cho phép thu thập dữ liệu có độ phân giải cao hơn trong thời gian ngắn hơn, không giống như hệ thống chùm tia bút chì chỉ thu được 1 hàng dữ liệu cho mỗi lần chiếu xạ tia X.</li> <li>- Ngoài ra độ tin cậy và độ bền được tăng cường bằng cách sử dụng máy phát tia X không yêu cầu chuyên đổi nhanh giữa năng lượng cao và năng lượng thấp, và máy dò tia X thu được dữ liệu có độ phân giải cao về năng lượng cao và năng lượng thấp một cách độc lập cung cấp hình ảnh chất lượng cao.</li> <li>- Có thiết kế đáy hở län đầu tiên trên thế giới, và</li> </ul>	Cái	01	1.839.300.000	1.839.300.000



	<b>Đặc tính kỹ thuật:</b>
	<p>1. Các đầu đo khí cài đặt trong máy:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đầu đo điện hóa</li> <li>+ Ammoniac: 0- 500 ppm độ phân giải 1</li> <li>+ Carbon Monoxide /Hydrogen Sulfide (COSH)           <ul style="list-style-type: none"> <li>• CO: 0- 1.500 ppm, độ phân giải: 1</li> <li>• H<sub>2</sub>S: 0- 500 ppm, độ phân giải: 0,1</li> </ul> </li> <li>+ Oxy 0- 30% vol, độ phân giải: 0,1%</li> <li>- Đầu đo hồng ngoại: Mêtan (% vol) 0-100% vol, độ phân giải: 1%</li> <li>- Đầu đo quang hóa: VOC 0- 2.000 ppm, độ phân giải: ≤ 0,1</li> </ul> <p>2. Các đầu đo khí có thể cài đặt (lựa chọn thêm)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đầu đo Chất xúc tác</li> <li>+ Khí dễ cháy: 0-100% LEL, độ phân giải 1%</li> <li>+ Mêtan: 0-5% vol, độ phân giải 0,01%</li> <li>- Điện hóa</li> <li>+ Carbon Monoxide: 0- 1.500 ppm độ phân giải 1</li> <li>+ Carbon Monoxide: (Phạm vi cao) 0- 9.999 ppm độ phân giải 1</li> <li>+ Carbon Monoxide / Hydrogen thấp: 0- 1.000 ppm độ phân giải 1</li> <li>+ ClO: 0- 50 ppm độ phân giải 0,1</li> <li>+ Dioxide clo: 0- 1 ppm độ phân giải 0,01</li> <li>+ Hydro 0- 2.000 ppm, độ phân giải: 1</li> <li>+ Hydrogen Clorua 0- 30 ppm, độ phân giải: 0,1</li> <li>+ Hydrogen Cyanide 0- 30 ppm, độ phân giải: 0,1</li> <li>+ Hydrogen Sulfide 0- 500 ppm, độ phân giải: 0,1</li> <li>+ Oxit Nitric 0- 1.000 ppm, độ phân giải: 1</li> <li>+ Nitrogen Dioxide 0- 150 ppm, độ phân giải: 0,1</li> <li>+ Phốt pho 0- 5 ppm, độ phân giải: 0,01</li> <li>+ Phosphine (Phạm vi cao) 0- 1.000 ppm, độ phân giải: 1</li> <li>+ Dioxide lưu huỳnh 0- 150 ppm, độ phân giải: 0,1</li> </ul>

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hỗn ngoại</li> <li>+ Hydrocarbon 0-100% LEL, độ phân giải: 1%</li> <li>+ Mêtan (% LEL) 0-100% LEL, độ phân giải: 1%</li> <li>+ Carbon Dioxide 0- 5% vol, độ phân giải: 0,01%</li> <li>* Chất liệu vỏ: Lexan/ ABS/ Thép không gi lớp cao su</li> <li>bảo vệ bên ngoài</li> <li>* Màn hình hiển thị/ đọc: Màn hình tinh thể lỏng biểu</li> <li>đồ màu</li> </ul> <p>* Nguồn điện:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bộ pin lithium-ion có thể sạc lại, thời gian hoạt động liên tục 36 giờ</li> <li>- Bộ pin lithium-ion có thể sạc lại, thời gian hoạt động liên tục 20 giờ</li> <li>- Bộ pin kiêm AA có thể thay thế, thời gian hoạt động liên tục 10,5 giờ</li> </ul> <p>Cấu hình:</p> <p>Máy chính kèm phụ kiện tiêu chuẩn: 01 cái</p> <p>Phụ kiện tiêu chuẩn bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đầu đo hồng ngoại Methane: 01 cái</li> <li>- Đầu đo CO/H<sub>2</sub>S: 01 cái</li> <li>- Đầu đo NH<sub>3</sub>: 01 cái</li> <li>- Đầu đo O<sub>2</sub>: 01 cái</li> <li>- Đầu đo quang hóa (Photoionization Detector): 01 cái</li> </ul> <p>Hướng dẫn sử dụng: 01 bộ</p>	
9.	<p><b>Thiết bị đo ô nhiễm không khí</b></p> <p>Ký mã hiệu: AQ Expert</p> <p>Hãng sản xuất: Sauermann (E Instruments International)</p> <p>Xuất xứ: Mỹ</p> <p>Đặc tính kỹ thuật:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Thông số đo <ul style="list-style-type: none"> <li>- Độ ẩm tương đối, điểm sương, bầu ướt</li> <li>- Nhiệt độ xung quanh</li> <li>- Áp suất khí quyển</li> <li>- Có phần mềm ghi dữ liệu thời gian thực</li> </ul> </li> </ol>	

	- Bom mẫu liên tục			
	- Bộ nhớ trong: 2,000 Tests			
	- Máy in bluetooth không dây			
2. Cảm biến khí	Có thể đo được 7 loại khí, gồm:			
	- Ô xy: dài đo 0 - 25 %			
	- CO2: dài đo 0 - 5,000 ppm			
	- CO: dài đo 0 - 200 ppm			
	- H2S: dài đo 0 - 100 ppm			
	- Formaldehyde: dài đo 0 - 10,000 ppb			
	- NO: dài đo 0 - 250 ppm			
	- SO2: dài đo 0 - 20 ppm			
Cấu hình:				
Máy chính: 01 chiếc				
Máy in bluetooth: 01 chiếc				
Huống dẫn sử dụng: 01 bộ				
<b>Tổng cộng:</b>				<b>19.749.400.000</b>

Bảng chữ: Muối chín tẩy, bảy trăm bốn mươi chín triệu, bốn trăm nghìn đồng./.

**PHỤ LỤC: 02**  
**DANH SÁCH ĐƠN VỊ SỬ DỤNG TÀI SẢN**  
*(Kèm theo Thỏa thuận khung số 21/2019/TTTVDVTCC ngày 26/8/2019 của Trung tâm Tư vấn và Dịch vụ Tài chính công Hà Tĩnh)*

TT	Danh mục thiết bị	ĐVT	SL	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Đơn vị sử dụng tài sản	Nhà thầu cung cấp tài sản
1.	Hệ thống xử lý nước thải phòng thí nghiệm Ký hiệu: LFS-XLNT- HT 1.0 Hãng sản xuất (lắp ráp): Đông Dương Xuất xứ: Việt Nam	Hệ thống	01	1.848.000.000	1.848.000.000	Trung tâm Kiểm nghiệm Thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm	Công ty TNHH Việt Quang
2.	Hệ thống sắc ký khí GC/FID/ECD/MS Ký hiệu: GCMS-QP2020 NX Hãng sản xuất: Shimadzu Xuất xứ: Nhật Bản	Bộ	01	5.919.200.000	5.919.200.000	"	
3.	Thiết bị làm khô mẫu bằng khí Nitơ Hãng sản xuất: Thermo Fisher Scientific Xuất xứ: Mỹ	Bộ	01	214.800.000	214.800.000	"	
4.	Máy sắc ký phân tích ion (IC) Ký hiệu: HIC-20ASuper Hãng sản xuất: Shimadzu Xuất xứ: Nhật Bản	Cái	01	3.318.000.000	3.318.000.000	"	
5.	Máy quang phổ hồng ngoại Ký hiệu: Iraffinity-1s Hãng sản xuất: Shimadzu Xuất xứ: Nhật Bản	Hệ thống	01	1.948.300.000	1.948.300.000	"	
6.	Bộ chiết Soxhlet Ký hiệu: EV6All/16 Hãng sản xuất: C.Gerhardt GmbH Xuất xứ: Đức	Cái	01	344.500.000	344.500.000	"	
7.	Máy dập mẫu Ký hiệu: ZJLW-10 Hãng sản xuất: Zenith Lab (Jiangsu) Xuất xứ: Trung Quốc	Cái	01	134.700.000	134.700.000	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Hà Tĩnh	
8.	Bộ lọc nước 6 phễu Hãng sản xuất: Rocker Scientific Xuất xứ: Đài Loan	Bộ	01	254.000.000	254.000.000	"	
9.	Tủ sạch Clean bench Ký hiệu: LN-CB001 Hãng sản xuất: Lâm Nguyễn	Cái	01	184.500.000	184.500.000	"	

TT	Danh mục thiết bị	ĐVT	SL	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Đơn vị sử dụng tài sản	Nhà thầu cung cấp tài sản
	Xuất xứ: Việt Nam						
10.	Máy đo thân nhiệt từ xa Ký hiệu: innerVue 3 Hãng sản xuất: Medikors Inc Xuất xứ: Hàn Quốc	Cái	01	2.349.400.000	2.349.400.000	"	
11.	Máy đo khí thải Ký hiệu: E4500 (E4500-3) Hãng sản xuất: Sauermann (E Instruments International) Xuất xứ: Italia	Cái	01	94.700.000	94.700.000	"	
12.	Máy siêu âm di động Ký hiệu: LOGIQ V2 Hãng sản xuất: GE Healthcare Xuất xứ: Trung Quốc	Cái	01	610.000.000	610.000.000	"	
13.	Máy đo loãng xương Ký hiệu: InAlyzer - Air Hãng sản xuất: Medikors Inc Xuất xứ: Hàn Quốc	Cái	01	1.839.300.000	1.839.300.000	"	
14.	Máy đo hơi khí độc hòng ngoại Ký hiệu: MX6 Ibrid Hãng sản xuất: Industrial Scientific Corporation Xuất xứ: Mỹ	Cái	01	345.000.000	345.000.000	"	
15.	Thiết bị đo ô nhiễm không khí Ký hiệu: AQ Expert Hãng sản xuất: Sauermann (E Instruments International) Xuất xứ: Mỹ	Cái	01	345.000.000	345.000.000	"	
	<b>Tổng cộng:</b>				<b>19.749.400.000</b>		

Bằng chữ: Mười chín tỷ, bảy trăm bốn mươi chín triệu, bốn trăm nghìn đồng./.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do- Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG MUA SẮM TÀI SẢN  
Số: .....

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thỏa thuận khung số...../20.../TTTVDVTCC ngày.../..../20... giữa Trung tâm Tư vấn và Dịch vụ Tài chính công Hà Tĩnh và (tên nhà thầu cung cấp tài sản, hành hóa, dịch vụ);

Vào hồi .... giờ .... phút, ngày....tháng....năm....., tại ..... , chúng tôi gồm có:

**I. Nhà thầu cung cấp tài sản**

Tên đơn vị: .....

Địa chỉ:.....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Giấy đăng ký kinh doanh: .....

Quyết định thành lập: .....

Số tài khoản:....., tại .....

Mã số thuế: .....

Đại diện bởi: ....., Chức vụ.....

**II. Cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản (Bên mua sắm tài sản)**

Tên đơn vị: .....

Quyết định thành lập số: ..... ngày..... của.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Số tài khoản:....., tại .....

Mã số quan hệ với NSNN:

Mã số thuế: .....

Đại diện bởi: ....., Chức vụ.....



Hai bên thống nhất ký Hợp đồng mua sắm tài sản với các nội dung sau:

**Điều 1. Chủng loại, số lượng tài sản**

1. Chủng loại tài sản mua sắm.
2. Số lượng tài sản mua sắm.

**Điều 2. Giá bán tài sản**

Giá bán tài sản tương ứng với từng loại tài sản tại Điều 1 của Hợp đồng.

**Điều 3. Phương thức và thời hạn thanh toán**

1. Phương thức thanh toán
2. Thời hạn thanh toán

**Điều 4. Thời gian, địa điểm giao, nhận tài sản**

1. Thời gian giao, nhận tài sản
2. Địa điểm giao, nhận tài sản.

**Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của các bên.**

1. Quyền và nghĩa vụ của nhà thầu cung cấp tài sản:
  - a) Quyền và nghĩa vụ bảo hành, bảo trì tài sản.
  - b) Quyền và nghĩa vụ đào tạo, hướng dẫn sử dụng tài sản (nếu có).
  - c) Quyền và nghĩa vụ khác.
2. Quyền và nghĩa vụ của đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản.

**Điều 6. Chế độ xử phạt do vi phạm hợp đồng.**

.....  
Hợp đồng này được lập thành .... bản có giá trị pháp lý như nhau; cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp mua sắm tài sản, nhà thầu cung cấp tài sản (mỗi bên giữ 02 bản); gửi 01 bản cho Trung tâm Tư vấn và Dịch vụ Tài chính công Hà Tĩnh./.

**ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU  
CUNG CẤP TÀI SẢN**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

**ĐẠI DIỆN CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN  
VI TRỰC TIẾP SỬ DỤNG TÀI SẢN**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN NGHIỆM THU, BÀN GIAO, TIẾP NHẬN TÀI SẢN**

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thỏa thuận khung số ..../201../.... ngày... tháng ... năm..... giữa (tên nhà thầu cung cấp tài sản) và Trung tâm Tuần và Dịch vụ Tài chính công Hà Tĩnh;

Căn cứ Hợp đồng mua sắm tài sản số..... ngày tháng năm giữa (tên cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản) và (tên nhà thầu cung cấp tài sản);

Vào hồi .... giờ .... phút, ngày....tháng....năm..., tại....., chúng tôi gồm có:

**I. Đại diện nhà thầu cung cấp tài sản**

1. Ông (Bà):....., Chức vụ.....
2. Ông (Bà):....., Chức vụ.....

**II. Đại diện cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản**

1. Ông (Bà):....., Chức vụ.....
2. Ông (Bà):....., Chức vụ.....

Các bên thống nhất thực hiện nghiệm thu, bàn giao tài sản gồm các nội dung sau:

1. Tài sản thực hiện bàn giao

STT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Giá mua (đồng)	Thành tiền (đồng)	Hiện trạng tài sản bàn giao
1.						
2.						
...						

2. Các hồ sơ về tài sản bàn giao, tiếp nhận.....

3. Ý kiến của các bên giao, bên nhận (nếu có):

- 3.1. Ý kiến của bên giao:.....
- 3.2. Ý kiến của bên nhận:.....

**ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU  
CUNG CẤP TÀI SẢN**  
*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

**ĐẠI DIỆN CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN  
VI TRỰC TIẾP SỬ DỤNG TÀI SẢN**  
*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

